

Số: /BC-STNMT

Bắc Kạn, ngày tháng 6 năm 2021

## **BÁO CÁO**

### **Công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2021**

#### **I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ CÔNG TÁC KIỂM TRA, TUYÊN TRUYỀN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TẠI ĐƠN VỊ**

##### **1. Công tác triển khai thực hiện kế hoạch CCHC**

Thực hiện Kế hoạch số 790/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch triển khai công tác cải cách hành chính (CCHC) năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Kế hoạch số 01/KH-STNMT ngày 12/01/2021 về triển khai công tác CCHC năm 2021.

##### **2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành CCHC**

Ban hành Văn bản số 324/STNMT-VP ngày 24/02/2021 về chỉ đạo các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở tiếp tục nâng cao công tác CCHC năm 2021.

Ban hành Quyết định số 418/QĐ-STNMT ngày 15/11/2020 về kiện toàn Ban Chỉ đạo CCHC của Sở Tài nguyên và Môi trường, phân công Giám đốc Sở làm trưởng ban.

Việc bố trí kinh phí để triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC năm 2021 là 90.000.000 đồng, trong đó Cải cách thể chế là 10.000.000đ; hiện đại hóa hành chính 80.000.000đ (Ban hành kèm theo Kế hoạch số 01/KH-STNMT ngày 12/01/2021 về Kế hoạch CCHC năm 2021).

##### **3. Về công tác kiểm tra CCHC**

Ban hành Kế hoạch số 29/KH-STNMT ngày 03/03/2021 về kiểm tra công tác kiểm soát thủ tục hành chính, việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Hình thức: Kiểm tra trực tiếp, đột xuất tại các phòng, đơn vị. Thời gian thực hiện quý III năm 2021.

##### **4. Về công tác tuyên truyền CCHC**

Ban hành Kế hoạch số 03/KH-STNMT ngày 14/01/2019 về tuyên truyền công tác CCHC; nội dung tuyên truyền bám sát Kế hoạch số 972/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh và một số nhiệm vụ trọng tâm trong CCHC về lĩnh vực của ngành tài nguyên và môi trường. Ngày 26/01/2021, Sở đã tổ chức hội nghị (lồng ghép với hội nghị học tập, quán triệt, tuyên truyền triển khai Nghị quyết Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ Các cơ quan tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025) tuyên truyền các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về CCHC và kết quả thực hiện công tác CCHC ở các cấp; tuyên truyền vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp, người đứng đầu các

tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập đối với việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ CCHC; tuyên truyền về tầm quan trọng, ý nghĩa, mục tiêu và tác động của CCHC đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh...

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC**

### **1. Cải cách thể chế**

- Ban hành các Kế hoạch: Số 13/KH-STNMT ngày 29/01/2021 về về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2021; số 19/KH-STNMT ngày 08/02/2021 về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và pháp chế năm 2021; số 20/KH-STNMT ngày 08/02/2021 về thực hiện Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/02/2003 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân và thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật năm 2021.

- Đang tiến hành xây dựng dự thảo 02 văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh, gồm: Quyết định ban hành một số nội dung cụ thể quy định tại Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ; Quyết định ban hành Quy định về mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với từng loại vi phạm quy định tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Hệ thống hóa được 08 văn bản thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường do Trung ương ban hành, gồm: 04 Nghị định, 01 Thông tư và 03 Văn bản hợp nhất.

### **2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)**

#### **2.1. Công tác kiểm soát TTHC**

Ban hành các Kế hoạch: Số 02/KH-STNMT ngày 14/01/2021 về hoạt động kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC năm 2021; số 13/KH-STNMT ngày 29/01/2021 về rà soát, đánh giá TTHC năm 2020. Hiện tại đơn vị đang thực hiện rà soát, tổng hợp báo cáo, bảo đảm hoàn thành trước 25/3/2021.

Công tác tham mưu cho cấp thẩm quyền công bố TTHC thuộc lĩnh vực quản lý: Thực hiện Quyết định số 706/QĐ-BTNMT ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Tờ trình số 87/TTr-STNMT ngày 29/4/2021 Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn.

Công bố, công khai các TTHC thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết trên trang thông tin điện tử của Sở, cổng dịch vụ công của tỉnh và trên cơ sở quốc gia về TTHC: Ban hành Văn bản số 931/STNMT-VP ngày 14/5/2021 về công khai

TTHC trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về TTHC đối với 03 TTHC tại Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Kạn.

Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức: Không có kiến nghị.

## **2.2. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông**

Thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn; thường xuyên phối hợp với Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh trong giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa liên thông đã được công bố.

Số lượng TTHC đang đưa vào giải quyết theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông: Cơ chế một cửa: Có 100 TTHC, trong đó cơ chế một cửa liên thông: Có 58 TTHC.

**2.3. Kết quả giải quyết TTHC:** (Tổng số hồ sơ tiếp nhận qua Hệ thống một cửa điện tử (<http://motcua.backan.gov.vn> , từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/6/2021)

- Tổng số tiếp nhận 9.772 hồ sơ TTHC: Giải quyết đúng hạn: 8.229 hồ sơ; hồ sơ quá hạn 0 hồ sơ; hồ sơ đang giải quyết: 1.096 hồ sơ; hồ sơ trả lại 447.

+ Giải quyết theo cơ chế một cửa: 9.722 hồ sơ;

+ Giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông: 50 hồ sơ;

+ Hồ sơ phát sinh mức độ 3: 71 hồ sơ.

## **3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**

Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng, đơn vị: Về cơ cấu, số lượng lãnh đạo quản lý thuộc thẩm quyền của Lãnh đạo Sở được thực hiện theo quy định, cụ thể: Sở có 05 phòng và 03 đơn vị trực thuộc, trong đó có 05 trưởng phòng, 05 phó trưởng phòng; 02 giám đốc, 04 phó giám đốc trung tâm (có 01 phó giám đốc phụ trách).

## **4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức**

Tình hình thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm:

- Về công chức thực hiện theo Quyết định số 2299/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt Bản mô tả công việc và Khung năng lực của vị trí việc làm thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Về viên chức thực hiện theo Quyết định số 2300/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt Bản mô tả công việc và Khung năng lực của vị trí việc làm các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Thực hiện Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc giao biên chế công chức, tổng số người làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh năm 2020, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định số 04/QĐ-STNMT ngày 07/01/2021 về việc giao biên chế công

chức, tổng số người làm việc (biên chế sự nghiệp) trong các đơn vị sự nghiệp công lập và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP năm 2021, cụ thể:

Tổng số biên chế được giao năm 2021: Biên chế công chức 38 biên chế; biên chế sự nghiệp 60 biên chế; hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP 05 chỉ tiêu.

\* Kết quả thực hiện:

- Số biên chế công chức có mặt đến thời điểm báo cáo là 35/38 biên chế, số chưa sử dụng là 05 biên chế.

- Số biên chế viên chức có mặt đến thời điểm báo cáo là 81/88 biên chế;

- Số hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP là 04/04 biên chế;

Thực hiện quy định về tuyển dụng và thăng hạng viên chức: Căn cứ Công văn số 132/SNV-TCCB&CCVC ngày 20/01/2021 của Sở Nội vụ về việc tuyển viên chức năm 2021, Sở ban hành các Văn bản: Số 199/STNMT-VP ngày 29/01/2021; Kế hoạch số 43/KH-STNMT ngày 26/4/2021 và các văn bản liên quan đến việc thi tuyển viên chức làm việc tại Văn phòng Đăng ký đất đai, Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường năm 2021.

Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo: Thường xuyên quan tâm, thực hiện rà soát, bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy định, quy trình về công tác cán bộ theo quy định. Từ đầu năm đến nay, Sở bổ nhiệm 01 công chức lãnh đạo (chức vụ Giám đốc Sở); 01 Phó Giám đốc Chi nhánh VPĐK đất đai; 01 Phó trưởng phòng thuộc Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh.

Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của công chức, viên chức: 100% công chức, viên chức và người lao động chấp hành tốt về kỷ luật, kỷ cương hành chính nhà nước.

Về công tác đào tạo, bồi dưỡng: Thực hiện Nghị quyết của BCH Đảng bộ Sở, ngay từ đầu năm Ban Giám đốc Sở đã chỉ đạo thực hiện rà soát về tiêu chuẩn chức danh công chức, viên chức cấp phòng, đơn vị trực thuộc, đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng; cử công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng các lớp về chuyên môn và lý luận chính trị nhằm nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

## **5. Cải cách tài chính công**

Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ tại Quyết định số 28/QĐ-STNMT ngày 28/01/2021 và Quy chế quản lý tài sản công tại Quyết định số 31/QĐ-STNMT ngày 29/01/2021; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế quản lý tài sản công đúng theo quy định.

Ban hành Quyết định số 513/QĐ-STNMT ngày 31/12/2020 về việc chi thu nhập tăng thêm năm 2020 cho công chức, viên chức và người lao động khối Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường.

## **6. Hiện đại hóa hành chính**

### **6.1. Ứng dụng công nghệ thông tin**

Quản trị hạ tầng mạng công nghệ thông tin, quản lý hệ thống máy chủ và quản trị Cơ sở dữ liệu đất đai, đảm bảo an toàn bảo mật, thông suốt; duy trì hoạt động của hệ thống Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ công tác quản lý của ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

Duy trì thực hiện tốt Kế hoạch số 56/KH-STNMT ngày 22/7/2019 về ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn; Kế hoạch số 72/KH-STNMT ngày 25/10/2019 về triển khai thực hiện nhiệm vụ “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2019-2021”.

Ban hành Văn bản số 192/STNMT-TTCNTT ngày 29/01/2021 về việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, góp phần nâng cao chỉ số ứng dụng CNTT (ICT-INDEX), nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công về tài nguyên và môi trường cho người dân, doanh nghiệp nhanh gọn, đúng quy định.

Quản trị hạ tầng mạng công nghệ thông tin, quản lý hệ thống máy chủ và quản trị Cơ sở dữ liệu đất đai, đảm bảo an toàn bảo mật, thông suốt; duy trì hoạt động của hệ thống Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ công tác quản lý của ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh; quản lý hệ thống máy chủ và quản trị phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc tổng hợp, báo cáo phục vụ công tác quản lý và điều hành công việc trên môi trường mạng của Sở và các đơn vị trực thuộc. Tổng số máy tính trang bị cho công chức 34/34, có 33 máy được cài đặt phần mềm diệt virus; có 01 máy tính chuyên để soạn thảo văn bản mật.

- Ứng dụng CNTT: Tổng số văn bản được trao đổi dưới dạng điện tử (tính 01/01/2021 đến ngày 14/6/2021) văn bản đi 1.995, trong đó có 1.930 được gửi đi dưới dạng điện tử.

- Việc triển khai thực hiện Dịch vụ công trực tuyến:

+ Số TTHC được cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 là 43 TTHC (Theo QĐ số 583/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 của UBND tỉnh);

+ Số hồ sơ phát sinh ở mức độ 3: 71 hồ sơ.

6.2. Áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan

Duy trì thực hiện Quyết định số 379/QĐ-STNMT ngày 23/10/2020 về công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

Ban hành Kế hoạch số 12/KH-STNMT ngày 29/01/2021 về duy trì, áp dụng, cải tiến và xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động tại Sở Tài nguyên & Môi trường.

### **III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CCHC ĐƯỢC GIAO TRONG KẾ HOẠCH CCHC NĂM 2021 CỦA TỈNH**

Số nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 790/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch triển khai công tác cải cách hành chính (CCHC) năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, Sở Tài nguyên và Môi trường được giao 02

nhiệm vụ: (1) thực hiện đối thoại với tổ chức, cá nhân về TTHC trong lĩnh vực đất đai, nhiệm vụ này thực hiện trong quý III, IV; (2) thực hiện kiểm tra, nắm tình hình về phân cấp quản lý nhà nước theo Nghị định số 21/NĐ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ.

Kết quả, Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Văn bản số 111/STNMT-VP ngày 20/01/2021 về nắm tình hình khó khăn, vướng mắc và giải pháp thực hiện nhiệm vụ công tác tài nguyên và môi trường 8/8 UBND các huyện, thành phố, Sở đã kiểm tra, nắm tình hình được 04 UBND huyện, do ảnh hưởng dịch Covid-19 còn 04 huyện chưa thực hiện được. Qua kiểm tra, nắm tình hình tại 04 huyện (Ngân Sơn, Ba Bể, Pác Nặm, Bạch Thông), Sở đã ban hành 04 thông báo kết luận, thống nhất tổ chức thực hiện, giải quyết những khó khăn, vướng mắc về công tác tài nguyên và môi trường.

#### **IV. KẾT QUẢ NÂNG CAO CHỈ SỐ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG (PAPI)**

Triển khai nhiệm vụ năm 2021: Tỉnh chưa ban hành kế hoạch năm 2021.

#### **V. Đánh giá chung**

##### **1. Ưu điểm**

Đảng ủy, Ban Giám đốc Sở quan tâm chỉ đạo thực hiện công tác CCHC, trong đó Giám đốc Sở trực tiếp phụ trách CCHC; xây dựng, ban hành đầy đủ, kịp thời các kế hoạch thực hiện công tác CCHC, nội dung bám sát kế hoạch của tỉnh và cụ thể hóa phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị; bố trí kinh phí thỏa đáng thực hiện các nhiệm vụ CCHC. 100% hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn.

##### **2. Hạn chế**

Hồ sơ phát sinh giải quyết qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, dịch vụ Bưu chính công ích còn ít. Nguyên nhân, do tổ chức, cá nhân còn tâm lý e ngại, chưa quen với hình thức nộp hồ sơ qua mạng hoặc không có nhu cầu nộp, nhận kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích nên việc giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 và DVBCCI còn hạn chế.

#### **VI. Nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2021**

1. Tổ chức tuyển dụng viên chức năm 2021.
2. Phối hợp Sở Nội vụ tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III và tổ chức thực hiện.
3. Tiếp tục xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; báo cáo hàng năm về kiểm tra, xử lý văn bản QPPL.
4. Rà soát, thống kê, trình công bố công khai thủ tục hành chính theo quy định; Niêm yết công khai đầy đủ các TTHC theo quy định.
5. Theo dõi, đôn đốc thực hiện tiếp nhận, trả kết quả hồ sơ TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả trên hệ thống phần mềm một cửa, một cửa liên thông đúng theo quy định.

6. Theo dõi, đôn đốc xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và xin lỗi trực tiếp cá nhân, tổ chức trong thực hiện TTHC sai quy định của Nhà nước

7. Ban hành kế hoạch đối thoại với tổ chức, cá nhân về TTHC

8. Chỉ đạo các phòng, đơn vị hoàn thành nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2021 đã đề ra./.

***Nơi nhận:***

*Gửi bản điện tử:*

- Sở Nội vụ (B/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Chánh VP Sở;
- Lưu: VT, (Quang).

**GIÁM ĐỐC**

**Hoàng Thanh Oai**

**Phụ lục 1**  
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC**  
**CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1</b>	<b>Công tác chỉ đạo điều hành CCHC</b>			
1.1	Kế hoạch CCHC		1	
1.1.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	42	
1.1.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	21	
1.1.3	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	2	
1.2	Kiểm tra CCHC			Cấp huyện báo cáo
1.2.1	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Đơn vị		
1.2.2	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
1.2.3	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.3	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			
1.3.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	02	
1.3.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	01	01 nhiệm vụ thực hiện trong quý III
1.3.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.4	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức		0	
1.4.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	0	
1.4.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến; Phát phiếu; Kết hợp	0	
1.5	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Có/không	Có	
<b>2</b>	<b>Cải cách thể chế</b>			
2.1	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản		
2.2	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản		
2.3	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản		



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.4	Số VBQPPL đã xử lý/kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản		
2.5	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
<b>3</b>	<b>Cải cách thủ tục hành chính</b>			
3.1	Thống kê TTHC		có	
3.2	Số TTHC trình công bố mới	Thủ tục	có	01 TTHC
3.3	Số TTHC đề nghị bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	Không có	
3.4	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	100	
Trong đó	Số TTHC của sở, ngành:	Thủ tục	100	
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục		Cấp huyện báo cáo cả cấp xã trực thuộc
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục		
3.4	Về Cổng dịch vụ công			
3.4.1	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	100	
3.4.2	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	82	
3.5	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông		100	
3.5.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	58	
3.5.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	10	
3.5.3	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100%	
3.5.4	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100%	
3.6	Kết quả giải quyết TTHC			
3.6.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100%	Kiểm tra tại Trang dịch vụ công của tỉnh (mục thống kê TTHC theo đơn vị) từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/6/2021
3.6.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC UBND cấp huyện tiếp nhận	%		Cấp huyện báo

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	được giải quyết đúng hạn			cáo cả cấp xã trực thuộc
3.6.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.7	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn	%	100%	(Kiểm tra trên tài khoản cá nhân (Quangdv.tn) tại Trang dịch vụ công của tỉnh (mục thống kê TTHC theo đơn vị) từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/6/2021)
3.8	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn	%		Sở Xây dựng; cấp huyện báo cáo
3.9	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.9.1	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	100	
3.9.2	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	82	
3.9.3	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến.	Thủ tục	43	
<b>4</b>	<b>Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước</b>			
4.1	Số phòng chuyên môn	Phòng, tương đương	5	
4.2	Số ban, chi cục... trực thuộc	Đơn vị		
4.3	Số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	Đơn vị	3	Có 01 đơn vị tự chủ
4.4	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	40	Từ năm 2015 có 05, đến nay giảm 03 đơn vị
4.5	Số liệu về biên chế công chức		38	
4.5.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	38	
4.5.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	35	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.5.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	04	
4.5.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	Không	
4.5.5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	10	Năm 2015 được giao 41 biên chế; năm 2021 giao 38 biên chế, số sử dụng 35 biên chế (giảm 10%).
4.5.6	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập		55	
4.6	Tổng số người làm việc được giao (viên chức)	Người	88	Trong đó có 28 biên chế của 01 đơn vị tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy nhân sự và tài chính
4.6.1	Tổng số người làm việc có mặt	Người	81	Trong đó có 26 biên chế của 01 đơn vị tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy...
4.6.2	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	Không	
4.6.3	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	Không	Năm 2015 giao 50 biên chế, năm 2021 giao 60 biên chế bao gồm (Biên chế của Trung tâm CNTT; Văn

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				phòng ĐKDD (tỉnh) và 28 biên chế của Trung tâm KTTN&MT.
<b>5</b>	<b>Cải cách chế độ công vụ</b>			
5.1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức		116	
5.1.1	Số công chức hành chính đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt	%	100	Theo QĐ số 2299/QĐ-UBND ngày 29/12/2017
5.1.2	Số viên chức sự nghiệp đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt	%	100	Theo QĐ số 2300/QĐ-UBND ngày 29/12/2017
5.2	Tuyển dụng viên chức			Đang thực hiện
5.2.1	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		05
5.2.2	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	Không có	
5.3	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo		01	
5.3.1	Số lãnh đạo đơn vị được bổ nhiệm mới	Người	01	
5.3.2	Số lãnh đạo cấp phòng được bổ nhiệm mới	Người	Không	
5.3.3	Số lãnh đạo đơn vị trực thuộc được bổ nhiệm mới	Người	02	
5.4	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).			
5.4.1	Số lãnh đạo đơn vị bị kỷ luật.	Người	Không	
5.4.2	Số lãnh đạo cấp phòng bị kỷ luật.	Người	Không	
5.4.3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	Không	
<b>6</b>	<b>Cải cách tài chính công</b>			
6.1	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	Không có	
6.2	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi	Cơ quan,	01 đơn vị	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	đơn vị		
6.3	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	01 đơn vị	
6.4	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	01 đơn vị	
6.5	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	Không có	
<b>7</b>	<b>Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số</b>			
7.1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Có/không	Có	
7.2	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến. Liên thông từ UBND cấp huyện đến cấp xã.	Có/không		Cấp huyện báo cáo
7.3	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản	1.930	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	98,7%	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	100	
7.4	Dịch vụ công trực tuyến			Cấp huyện báo cáo cả cấp xã
7.4.1	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	43	
7.4.2	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	43	
7.4.3	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	71	
7.4.4	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	0	